



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Thương mại và Đầu tư Vi na ta ba

Ngày 30/06/2025	3,800 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-5.0%	-9.5%	-

DT thuần Q2/25
3.31
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.31
YoY: ▲ 3.31

LN thuần Q2/25
0.29
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.44 296%
YoY: ▲ 0.49 247%

LN sau thuế Q2/25
0.38
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.53 355%
YoY: ▲ 0.68 228%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
8.9%

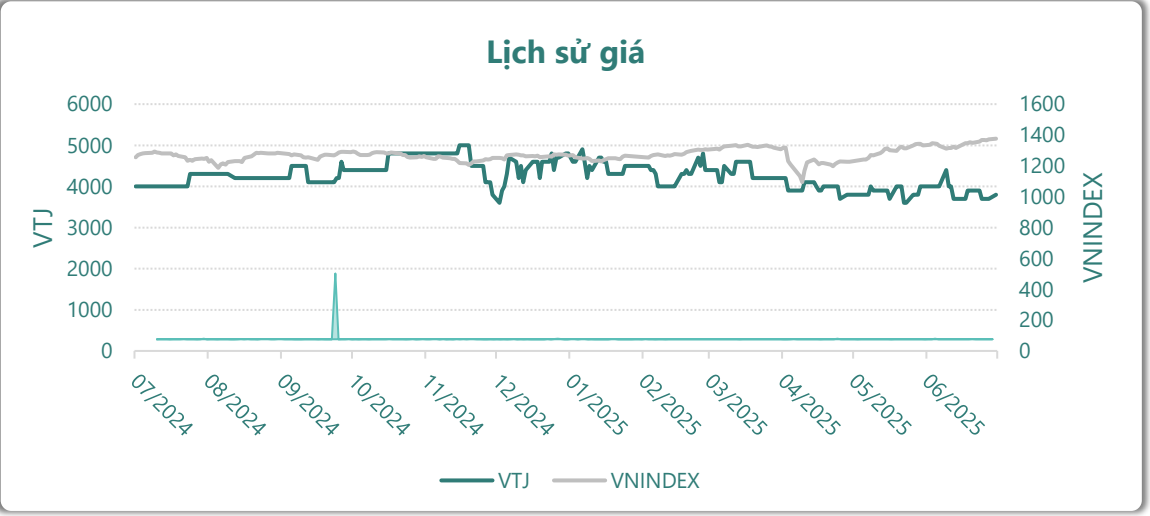
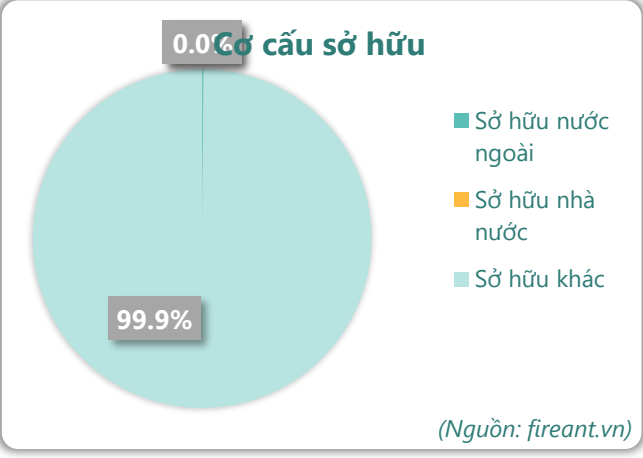
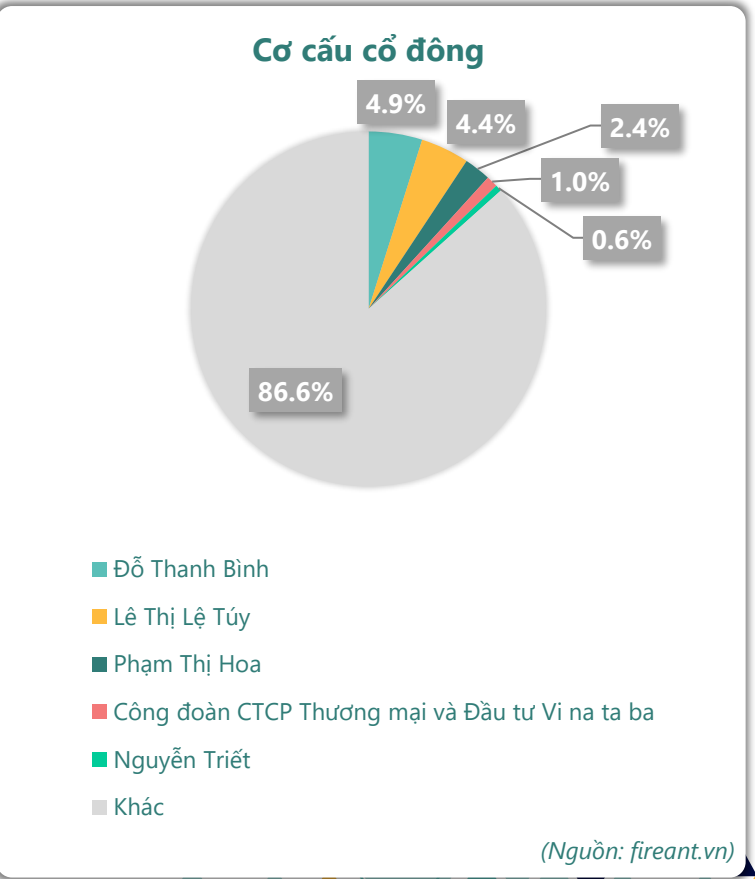
ROE (TTM) Q2/25
0.5%
YoY: +/-▲ 0.7%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	3,600 - 5,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	43
Số lượng CPLH (CP)	11,400,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	290
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.44
EPS	41
P/E	93.6

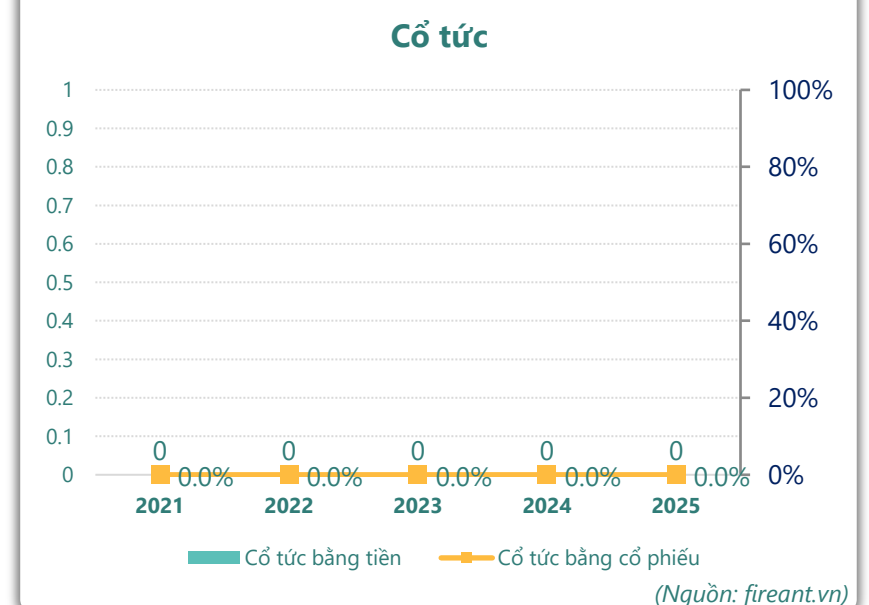
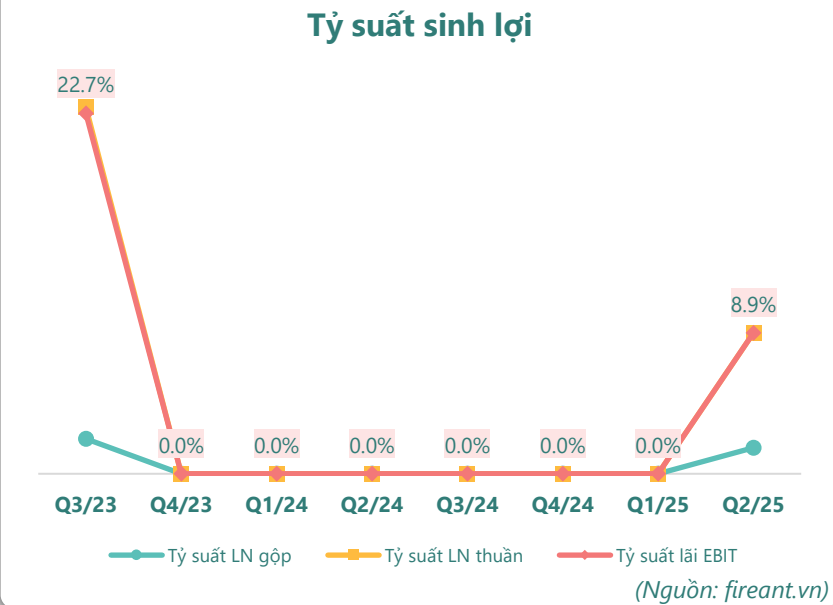
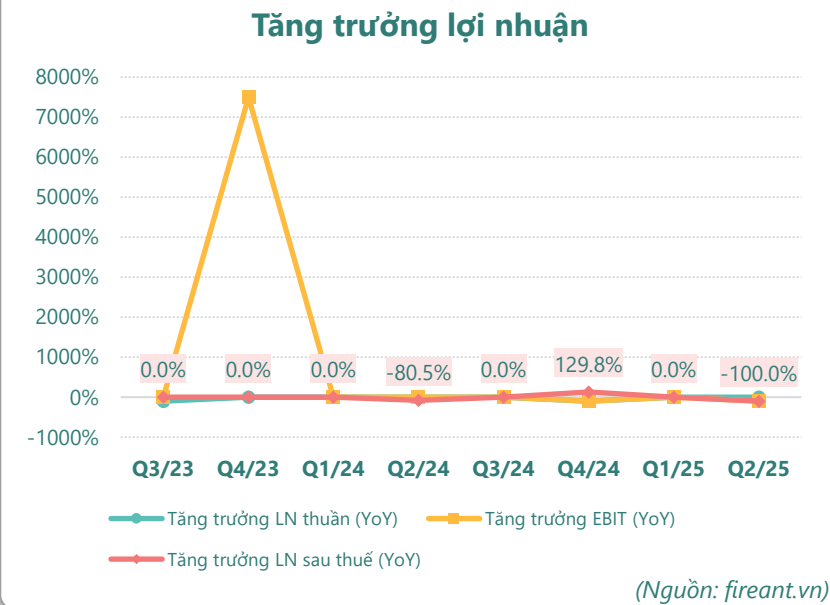
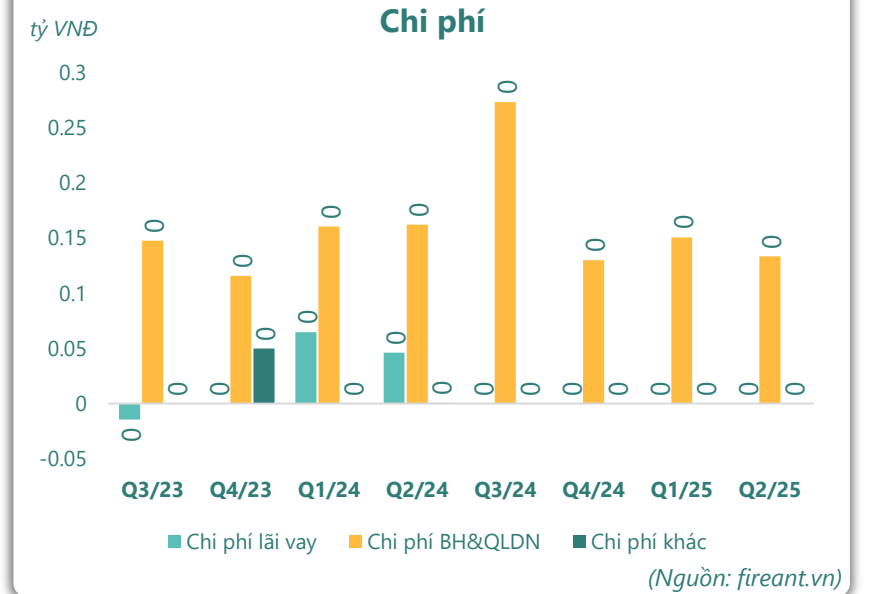
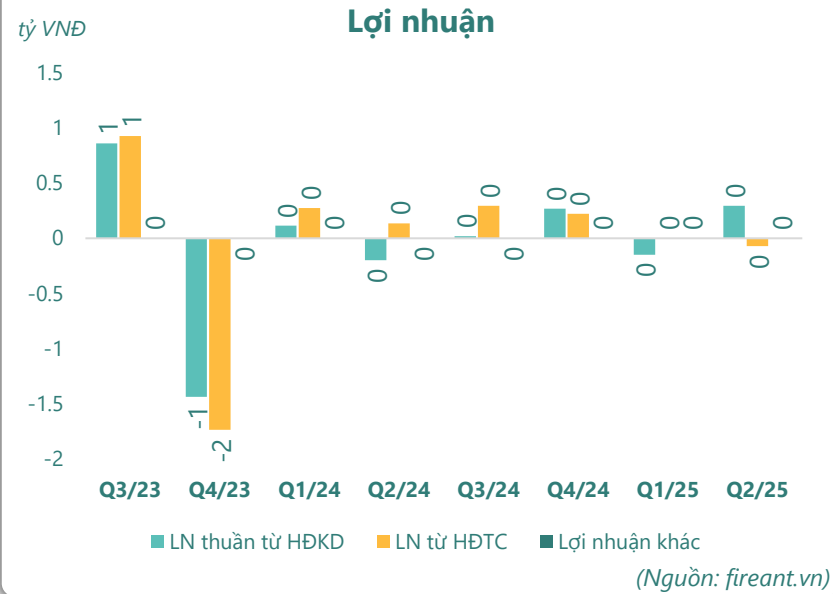
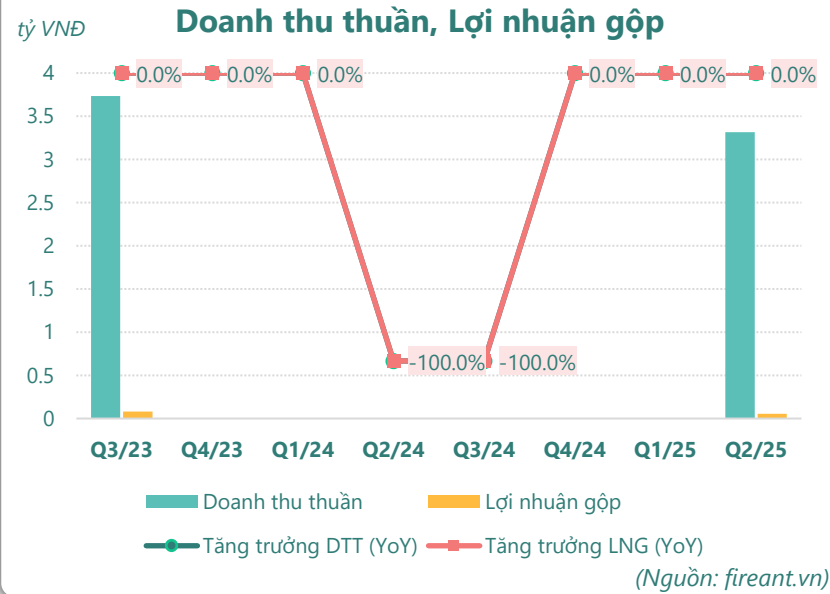
DT thuần 6T 2025
3.31
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.31

LN thuần 6T 2025
0.14
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.22 271%

LN sau thuế 6T 2025
0.23
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.41 229%



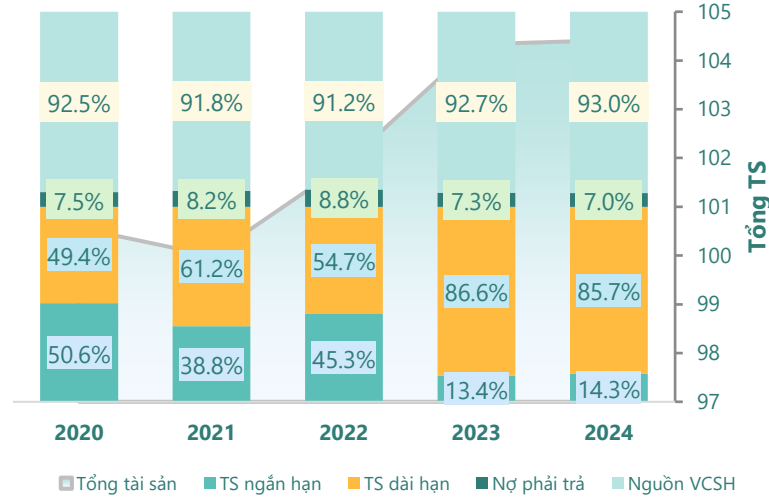
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

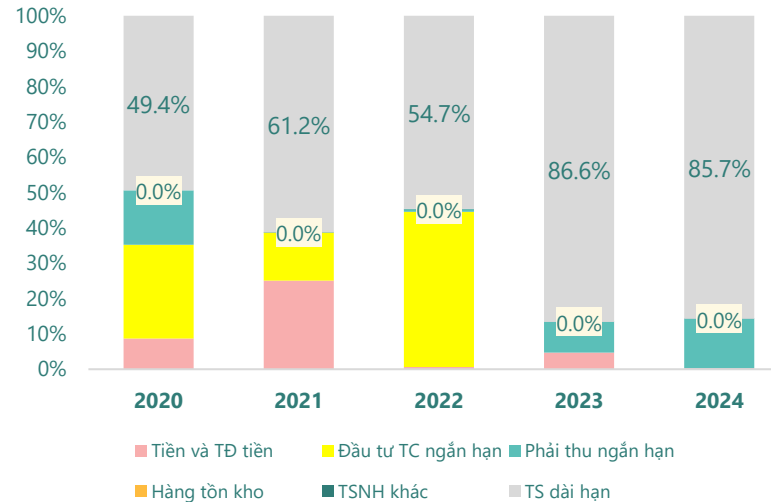
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

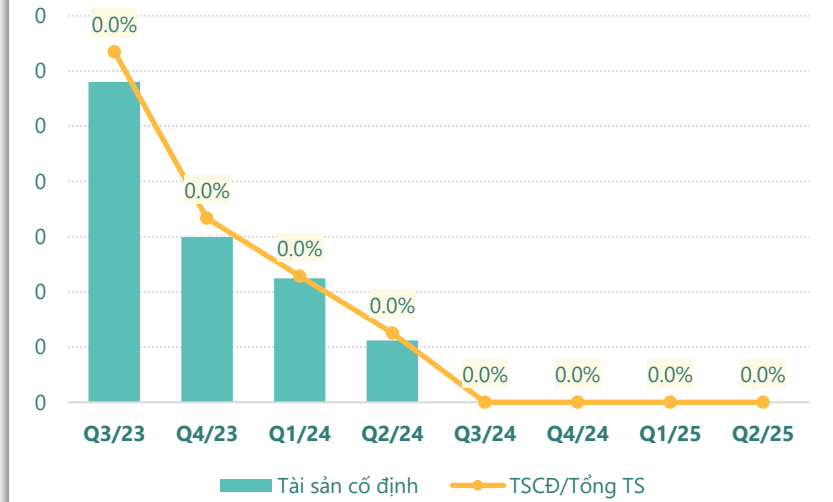
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

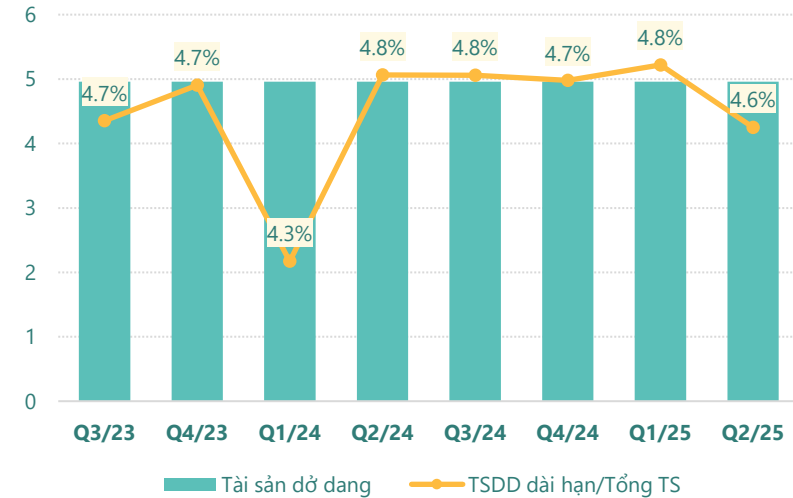
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

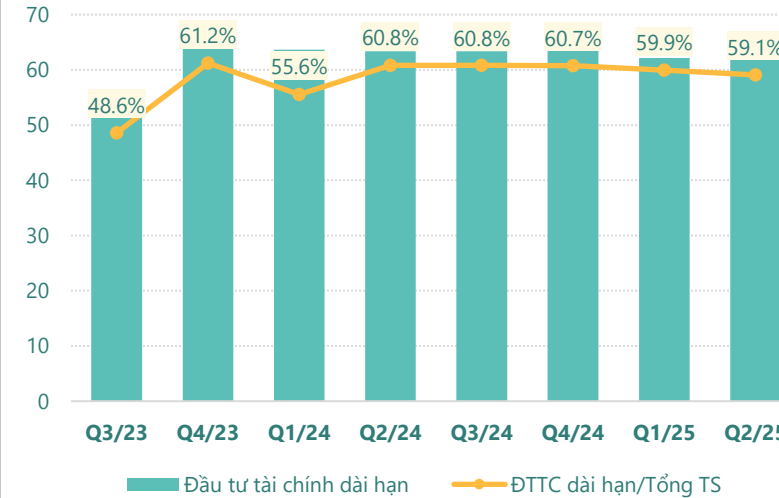
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

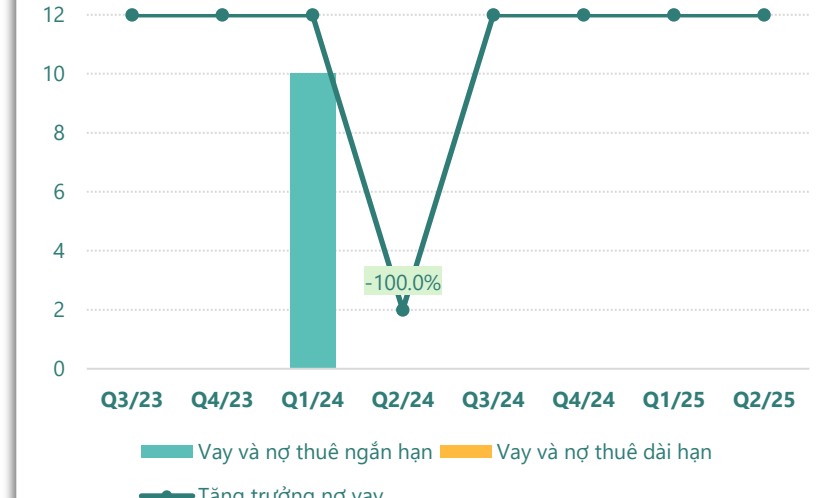
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

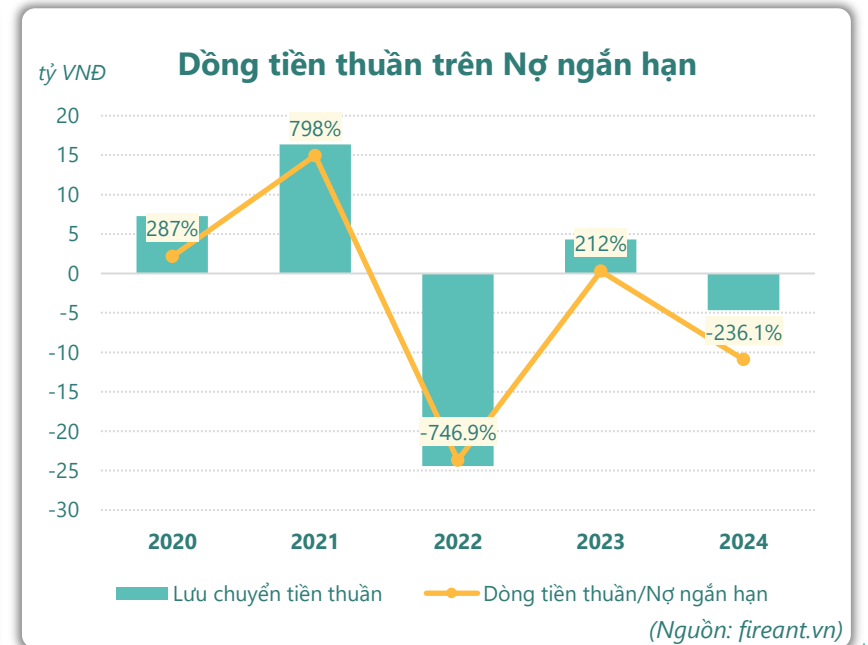
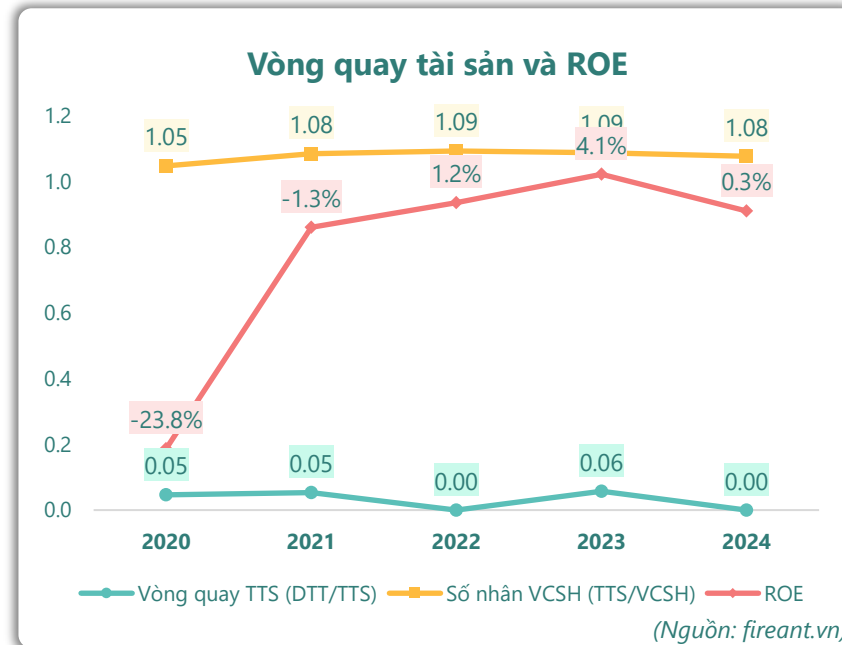
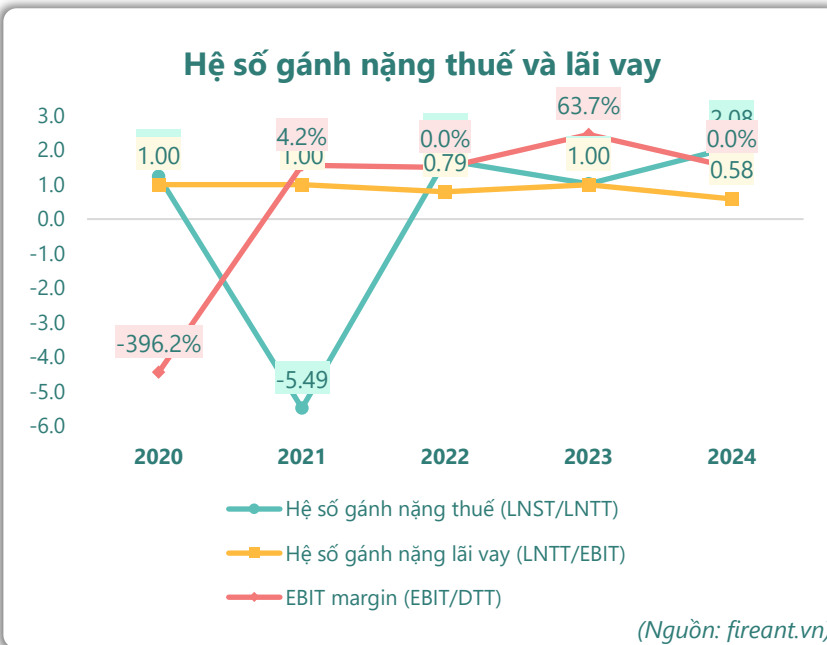
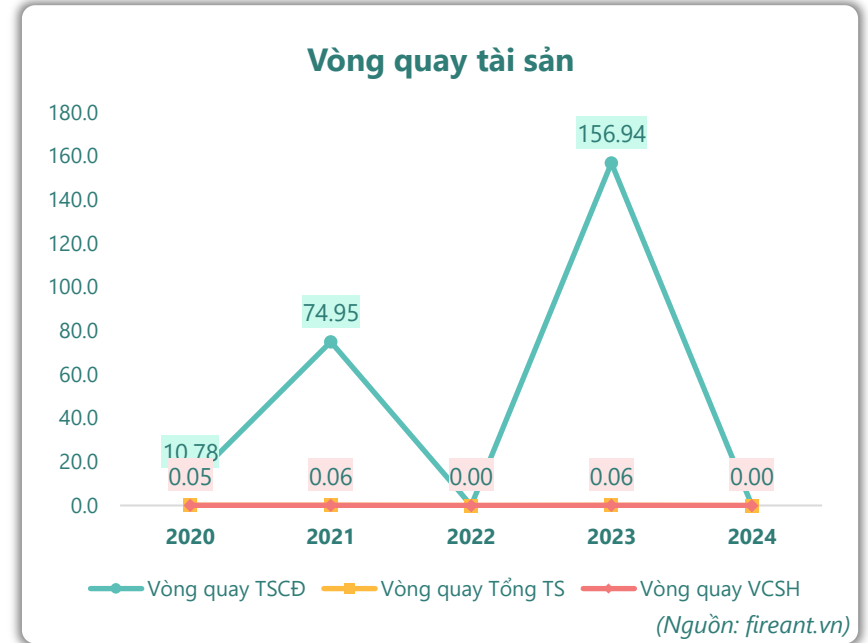
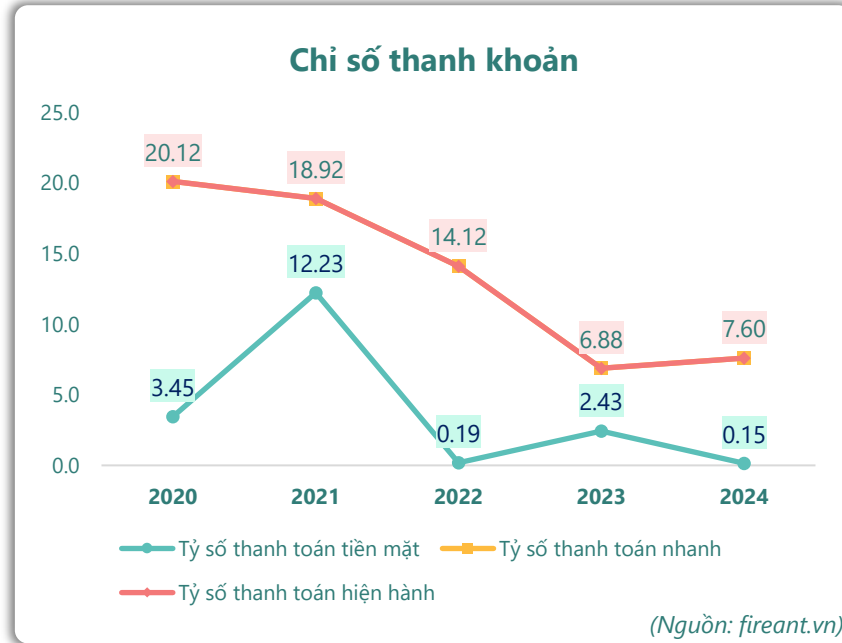
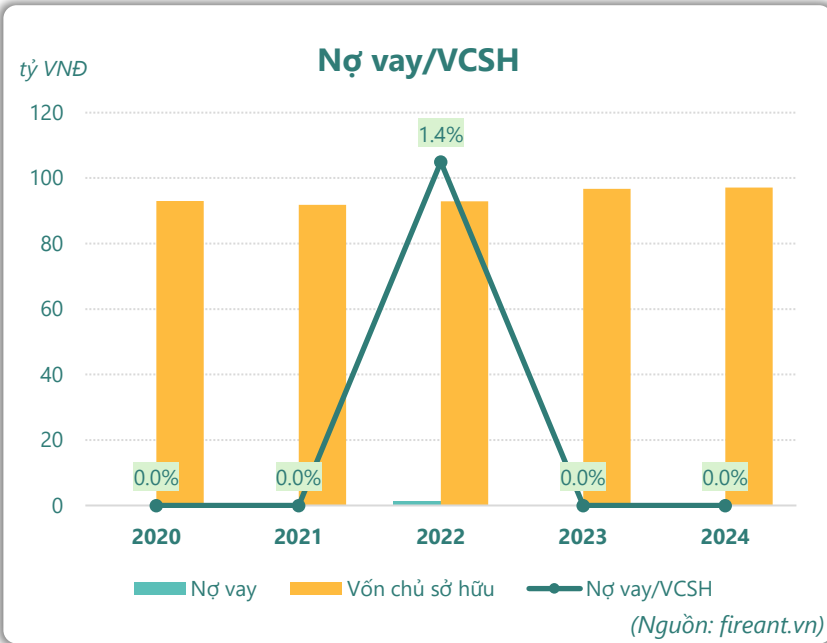
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	3.31	0.00		3.31	0	
Giá vốn hàng bán	3.26	0.00		3.26	0	
Lợi nhuận gộp	0.05	0.00		0.05	0	
Doanh thu HĐTC	0.00	0.34	-99.4%	0.00	0.68	-99.6%
Chi phí TC	0.07	0.20	-64.0%	0.07	0.27	-73.2%
Chi phí lãi vay	0	0.05	-100%	0	0.11	-100%
LN trong công ty LKLD	0.44	-0.17	361%	0.44	-0.17	356%
Chi phí bán hàng	0	0.00		0.00	0	
Chi phí QLDN	0.13	0.16	-16.6%	0.28	0.32	-12.0%
LN thuần từ HĐKD	0.29	-0.20	247%	0.14	-0.08	271%
Lợi nhuận khác	0	0.00		0	0.00	100%
LN trước thuế	0.29	-0.20	247%	0.14	-0.09	270%
Lợi nhuận sau thuế	0.38	-0.30	228%	0.23	-0.18	229%
LNST của CĐ cty mẹ	0.38	-0.30	228%	0.23	-0.18	229%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	5.80	2.35	-0.08	-8.25	1.10	0.33
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	-12.6	0	12.6	0	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-0.01	0	0.01	0	0
Tiền đầu kỳ	4.93	10.7	0.51	0.43	0.29	1.39
Lưu chuyển tiền thuần	5.80	-10.2	-0.08	4.32	1.10	0.33
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	10.7	0.51	0.43	0.29	1.39	1.72

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	107	104	2.4%
Tài sản ngắn hạn	3.65	14.9	-75.6%
Tiền và tương đương tiền	1.72	0.29	490%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	1.90	14.6	-87.0%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0.03	0.03	-18.3%
Tài sản dài hạn	103	89.5	15.4%
Phải thu dài hạn	35.1	21.7	61.8%
Tài sản cố định	0	0	
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	4.96	4.96	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	63.2	62.8	0.6%
Tài sản dài hạn khác	0	0	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	9.61	7.34	31.0%
Nợ ngắn hạn	4.33	1.97	120%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	2.35	0.08	2776%
Nợ dài hạn	5.28	5.37	-1.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	97.3	97.1	0.2%
Vốn chủ sở hữu	97.3	97.1	0.2%
Vốn điều lệ	114	114	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

